

GIẢI KHUYẾN HỌC KỲ XXI-2009

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT

TIỂU HỌC 4

I. VĂN

A. Tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn:

Gồm 10 câu tục ngữ, 5 câu ca dao, 5 câu thành ngữ, 2 câu danh ngôn.

B. Ngữ vựng:

Học một số ngữ vựng qua các chủ đề dưới đây:

1. Tính chất, trạng thái.
2. Sinh hoạt trong gia đình.
3. Sinh hoạt tại học đường
4. Sinh hoạt nơi công cộng.
5. Thể thao:
 - a. Các môn thể thao theo đội.
 - b. Các môn bơi lội và đua thuyền.
6. Nghề nghiệp:
 - a. Động từ thích hợp cho mỗi nghề, mỗi việc.
 - b. Động từ thông dụng trong sinh hoạt.

C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa: Học 12 từ ghép.
2. Phản nghĩa: Học 12 từ ghép.

D. Học thuộc lòng:

Học thuộc lòng 4 bài ngắn và hiểu rõ nội dung của từng bài.

E. Tập làm văn:

Tả người hoặc đồ vật.

F. Phong tục:

- a. Lễ Hai Bà Trưng.
- b. Giỗ tổ Hùng Vương.

II. LỊCH SỬ

1. Lý Thường Kiệt.
2. Trần Quốc Tuấn.
3. Trần Quốc Tuấn.
4. Phạm Ngũ Lão.
5. Trần Bình Trọng.
6. Nguyễn Trung Trực.
7. Chu Văn An.
8. Lê Văn Duyệt.

III. ĐỊA LÝ

1. Việt Nam: Vị trí, ranh giới.
2. Tên những thành phố quan trọng của mỗi miền.
3. Tên sông, núi tiêu biểu cho mỗi miền.
4. Tên một số thắng cảnh nổi tiếng.

GIẢI KHUYẾN HỌC KỲ XXI-2009
TÀI LIỆU HỌC THI
TIỂU HỌC 4

I. VĂN:

A. Tục ngữ, ca dao, thành ngữ, danh ngôn:

1. Tục ngữ:

- a. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
- b. Anh em như thể tay chân.
- c. Tre già măng mọc.
- d. Trên kính dưới nhường.
- e. Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa.
- f. Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.
- g. Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.
- h. Tiên học lễ, hậu học văn.
- i. Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.
- j. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Câu hỏi gợi ý:

1. Câu tục ngữ nào khuyên chúng ta nên nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình?
2. Câu tục ngữ “Tiên học lễ, hậu học văn” có nghĩa là gì?

2. Ca dao:

- a. Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.
- b. Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.
- c. Trách người một, trách ta mười,
Bởi ta tậ trước nên người tậ sau.
- d. Sông sâu còn có kẻ dò,
Nào ai lấy thước mà đo lòng người.
- e. Dẫu xây chín bậc phù đồ,
Chẳng bằng làm phước, cứu cho một người.

Câu hỏi gợi ý:

1. Câu ca dao nào nói lên lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ?
2. “Nên trách mình trước khi trách người khác”, được thể hiện qua câu ca dao nào?

3. Thành ngữ:

- a. Chôn nhau cắt rốn.
- b. Gieo gió gặt bão.
- c. Éch ngồi đáy giếng.
- d. Miệng ăn núi lở.
- e. Chở củi về rừng.

Câu hỏi gợi ý:

1. Câu thành ngữ “Chôn nhau cắt rốn” nói lên điều gì?
2. “Cho dù mình giàu có đến đâu mà không làm việc gì thì cũng tiêu hết” được thể hiện qua câu thành ngữ nào?

4. Danh ngôn:

- a. “Đã mang tiếng ở trong trời đất, phải có danh gì với núi sông”
(Nguyễn Công Trứ)
- b. “Chim có đàn cùng hót, tiếng hót mới hay,
Ngựa có bạn cùng đua nước đua mới mạnh”
(Cổ học tinh hoa)

B. Ngữ vựng:

1. Tính chất, trạng thái:

- a. Cứng, mềm, dẻo, dai, đặc, lỏng, nhão.
- b. Nóng, lạnh, nguội, ẩm, khô, ẩm, ướt.

Câu hỏi gợi ý:

1. Bàn được làm bằng gỗ cứng, vậy “**gỗ**” thuộc về tính chất hay trạng thái?
2. Chúng ta uống nước hằng ngày, vậy “**nước**” thuộc về tính chất hay trạng thái?

2. Sinh hoạt trong gia đình:

- Ngày lễ (Phật Đản, Vu Lan, Giáng Sinh).
- Ngày Tết (Trung Thu, Dương lịch, Nguyên Đán).
- Họp mặt, ngày giỗ, cầu nguyện, tụng kinh.
- Vâng lời, thương yêu, lễ phép, kính trọng (ông bà, cha mẹ, anh chị), dạy dỗ, nói năng (nhỏ nhẹ).
- Trang hoàng (nhà cửa), treo đèn, kết hoa, gửi thiệp (chúc tết, chia buồn, chung vui), lì xì (năm mới).
- Giúp đỡ (cha mẹ, anh chị em), sửa soạn (bữa ăn), dọn dẹp (nhà cửa), lau chùi (bàn thờ, bàn ghế), hút bụi, giặt giũ (quần áo), rửa chén, nấu ăn.
- Trò chuyện, thắc mắc, quây quần, vui chơi.

Câu hỏi gợi ý:

1. Ba ngày lễ quan trọng trong năm là ngày lễ nào?
2. Khi nói chuyện với ông bà, cha mẹ hay người lớn hơn trong gia đình, chúng ta phải ăn nói như thế nào?

3. Sinh hoạt tại học đường:

- Tập đọc, tập viết, chính tả, toán, sử địa, tập làm văn
- Trí dục, thể dục và đức dục.
 - a. **Trí dục:** mở mang trí tuệ, học hỏi kiến thức.
 - b. **Thể dục:** giữ gìn thân thể khoẻ mạnh để tránh bệnh tật và giúp tinh thần thêm minh mẫn.

- c. **Đức dục:** trau dồi phẩm hạnh, hạnh kiểm cá nhân để trở nên một người con ngoan, một học trò tốt, một người bạn tốt và một công dân tốt.

Câu hỏi gợi ý:

1. Ngoài việc mở mang trí tuệ, môn trí dục còn giúp cho chúng ta thêm điều gì?
2. Thể dục được định nghĩa như thế nào?

4. Sinh hoạt nơi công cộng:

- Công sở : nhân viên, thợ, máy móc ...
- Bưu điện : tem thư, gửi thư...
- Ngân hàng: chương mục, chi phiếu...
- Bệnh viện: bác sĩ, y tá, bệnh nhân...
- Phố xá: tiệm ăn, chợ...
- Rạp hát: chiếu phim, khán giả...
- Công viên: chạy nhảy, nô đùa...
- Thư viện: đọc sách, mượn sách...
- Viện bảo tàng: đồ vật cổ xưa...
- Nhà hàng: món ăn, hầu bàn, thực đơn...
- Bãi biển: cát, sóng, tắm...
- Phi trường: máy bay, hành khách, bán vé...
- Bến xe: xe cộ, hành khách, bán vé...
- Trường học: thầy cô, học sinh, lớp học...

Câu hỏi gợi ý:

1. Chúng ta không nên nói chuyện ồn ào tại đâu ?
2. Hôm qua em đi coi phim Dumbo với bạn ở đâu?

5. Thể dục, thể thao.

a. Các môn thể thao theo đôi:

- Bóng rổ (basketball) : nhồi, chuyền, thả y.
- Bóng chuyền (volleyball) : giao, chuyền, đập, đỡ, nâng banh, mớm banh.
- Bóng đá, bóng tròn, túc cầu (soccer) : đá, lừa, chụp (bắt), đội đầu, phạt góc, phạt đền, ném biên, việt vị.
- Bóng chày, dĩa cầu (baseball) : cái chày, quất, chụp, chuỗi (chùi)
- Bóng bầu dục (football) : đá, ôm úi, húc, nhào, ném, phòng thủ, tấn công.
- Bóng nước (water polo) : chuyền, bơi, nhồi tới, giành banh.

b. Các môn bơi lội và đua thuyền:

- Bơi sải: free style.
- Bơi ngửa: back – stroke.
- Bơi nhái: breast – stroke.
- Bơi bướm: butterfly.
- Bơi tiếp sức: relays.
- Nhảy cầu: diving.
- Đua thuyền: rowing, sailing, yatching, canoening.

6. Nghề nghiệp:

a. Các đồng từ thích hợp cho mỗi nghề:

- Bác sĩ : khám, chữa (bệnh), kê (toa) .
- Y tá : săn sóc (bệnh nhân).
- Thợ may : đo, cắt, may (quần áo)
- Công nhân : làm việc (nhà máy, hầm mỏ, hãng xưởng...)
- Kiến trúc sư : vẽ đồ án (xây cất) .
- Kỹ sư : chế tạo, thiết kế (máy móc).
- thuyền trưởng : lái (tàu), chỉ huy (thủy thủ).
- Quân nhân : giữ gìn (bờ cõi), chống (quân thù) .
- Thương gia : buôn bán.
- Ứng cử viên : tranh cử.
- Cử tri : bỏ phiếu (đi bầu).

C. Từ đồng nghĩa, phản nghĩa:

1. Đồng nghĩa:

- Đất nước = tổ quốc
- Lực lưỡng = vạm vỡ.
- Phảng phất = thoang thoảng
- Chăm chỉ = siêng năng.
- Tinh mịch = tịch mịch.
- Phương kế = cách thức
- Bình minh = rạng đông
- Bảo tồn = gìn giữ
- Thanh nhã = lịch sự.
- Lo toan = tính toán.

2. Phản nghĩa:

- Trung thành / phản bội
- Nhộn nhịp / vắng vẻ
- Đoàn kết / chia rẽ
- Can đảm / hèn nhát
- Hạnh phúc / đau khổ
- Hy vọng / thất vọng
- Giản dị / phức tạp.
- Kính nể / khinh khi.
- Gọn gàng / bề bộn.
- Phân tích / tổng hợp.
- Thành công / thất bại.
- Cẩn thận / cầu thả.

D. Học thuộc lòng

1. Gia đình em.

Gia đình em có ông bà,
Cô, dì, chú, bác, mẹ cha sum vầy.
Chúng em, con cháu một bầy,
Dưới trên hòa thuận, tháng ngày yên vui.

(Bảo Vân)

Câu hỏi gợi ý:

1. Gia đình em gồm có những gì?
2. Chúng em phải đối xử thế nào với nhau?

2. Tình thầy trò.

Chúng ta như những mầm non,
Thầy, cô yêu quý như con một nhà.
Thầy cô như mẹ như cha,
Ngày ngày săn sóc mong ta nên người.
Học chăm ta chớ biếng lười,
Vâng lời dạy bảo nhớ lời khuyên răn.

(Nguyễn Hữu Bào)

Câu hỏi gợi ý:

1. Thầy cô yêu quý chúng ta như thế nào?
2. Chúng ta coi thầy cô như ai trong gia đình?

3. Em yêu.

Em hay nghe truyện nước ta,
Biết nguồn, biết gốc biết nhà Lạc Long.
Em yêu, em mến non sông,
Và em rất quý giống dòng Việt Nam

(Hoài Bắc)

Câu hỏi gợi ý:

1. Em hay nghe truyện gì?
2. Nhờ đâu mà em biết được nguồn gốc của mình?

4. Công cha nghĩa mẹ.

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

(Ca dao)

Câu hỏi gợi ý:

1. Công của cha như thế nào?
2. Nghĩa của mẹ ra sao?

E. Tập làm văn

Tả về đồ vật hoặc động vật.

F. Phong tục:

1. Lễ Hai Bà Trưng

Sự nghiệp Hai Bà Trưng chống quân Hán, đã là người Việt Nam, hỏi mấy ai là không biết. Hồi đó nước ta đang nội thuộc nước Tàu, dưới đời vua Quang Vũ nhà Đông Hán. Thái thú quận Giao Chỉ là Tô Định vốn người bạo ngược, chính sách lại tàn ác, lòng dân đều oán giận. Năm Canh Tý, Tô Định giết chết ông Thi Sách là chồng bà Trưng Trắc. Bà Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Tô Định thua chạy bỏ trốn về quận Nam Hải. Chẳng bao lâu Hai Bà thu lại được 65 thành trì và tự xưng làm vua đóng đô ở Mê Linh.

Năm sau, năm Tân Sửu (41) vua nhà Hán sai Tướng Quân là Mã Viện đem quân sang đánh. Hai Bà chống cự nhưng thế yếu phải lui quân và chạy tới xã Hát Môn, nay thuộc huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây gieo mình xuống giòng sông Hát tự tử. Bấy giờ vào ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43). Hai Bà đánh đuổi quân Tô Định đã được toàn thể dân Việt nhớ ơn và lưu truyền rất nhiều trong thơ văn kim cổ. Đáng kể hơn cả là những thi văn đã được ghi ngay tại đền hai Bà ở xã Đồng Nhân. Cụ Dương Bá Trạc, trước mọi dư luận có ý ám chỉ hai Bà vì tư thù mà đuổi quân Hán, đã phân tích rõ hành động của hai Bà là vì nghĩa công chứ không phải thù riêng:

Nước nhà gặp cơn bĩ,
Trách nhiệm gái trai chung.
Quyết lo đền nợ nước,
Há những vị thù chồng!
Tham tàn căm tướng chệch,
Tai mất tử nòi Hồng,
Em ơi đứng cùng chị,
Thù riêng mà nghĩa công.
Xin đem phận bồ liễu,
Đánh liều với non sông !

Đối với nam nữ anh hùng vì dân vì nước, dân ta bao giờ cũng tỏ lòng biết ơn, lập đền, thờ phụng và hàng năm làm lễ kỷ niệm. Riêng đối với hai Bà, ngày lễ kỷ niệm ngày nay được coi là ngày quốc lễ. Hai Bà là anh hùng dân tộc, việc thờ phụng hai Bà đã được nhiều nơi trong Orange County tổ chức hàng năm rất long trọng vào ngày 6 tháng 2 âm lịch.

2. Giỗ tổ Hùng Vương

Hằng năm ngày giỗ tổ Hùng Vương vẫn tới với ngày mồng 10 tháng 3. Nhớ tới tổ không phải để nhớ tới những điều hoang đường thời tiền sử nhưng để kiêu hãnh rằng dân tộc Việt Nam ta có Tổ, nghĩa là có một lịch sử từ mấy nghìn năm nay hơn hẳn nhiều quốc gia tuy văn minh nhưng dân tộc lại không gốc rễ, chỉ vồn vện với vài trăm năm lập quốc.

Dân tộc Việt đã trải qua bao nhiêu hưng vong biến chuyển, sở dĩ vẫn vững bền tồn tại, chính là vì người Việt Nam “uống nước biết nhớ lấy nguồn”, trăm vạn người như một, hàng năm ai cũng nhớ đến ngày giỗ Tổ. Ngày giỗ Tổ được coi là ngày Quốc Lễ, để tỏ lòng thành kính

biết ơn các đức Hùng Vương đã dày công gây dựng nên nước Văn Lang, tức là nước Việt Nam ngày nay.

Tuy xa quê hương, xứ sở người Việt thuộc vùng Orange County và một vài nơi trên đất người, vẫn cố gắng giữ truyền thống dân tộc tổ chức ngày giỗ Tổ với sự tham dự của mọi người trong không khí trang nghiêm và kính trọng.

Câu hỏi gợi ý:

1. Ngày giỗ tổ Hùng Vương là ngày nào?
2. Tại sao chúng ta lại có ngày giỗ tổ Hùng Vương?

II. LỊCH SỬ:

1. Lý Thường Kiệt

Lý Thường Kiệt người làng Thăng Long, tướng mạo đẹp đẽ, võ nghệ cao cường. Đời Lý Nhân Tông, thấy nhà Tống có ý gây chiến với ta nên Lý Thường Kiệt xin vua cho ông đem quân tấn công trước. Lý Thường Kiệt tấn công nhà Tống bằng hai đường: một là dùng đường thủy phát xuất từ cửa Đồ Sơn (vịnh Hạ Long) do Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh chiếm Khâm Châu và Liêm Châu, sau đó sẽ tiến đánh Ung Châu. Hai là dùng đường bộ do Tôn Đản chỉ huy, đi từ Thái Bình và Vĩnh Bình đánh thẳng vào Ung Châu. Chỉ trong vòng một tháng, quân Đại Việt chiếm 3 thành lớn của nhà Tống. Lý Thường Kiệt ra lệnh phá hủy hết tất cả doanh trại của địch trước khi rút quân.

Cuối năm 1077, nhà Tống sai Quách Quỳ đem quân sang đánh nước ta để trả thù nhưng cũng bị Lý Thường Kiệt đánh tan ở sông Như Nguyệt và Kháo Túc. Đến năm 70 tuổi, Lý Thường Kiệt còn cầm quân ra trận đánh tan cuộc xâm lăng của Chiêm Thành.

Câu hỏi gợi ý:

1. Lý do nào mà Lý Thường Kiệt xin vua cho ông đem binh đánh Tống trước?
2. Đường thủy phát xuất từ đâu? Và do ai chỉ huy?

2. Trần Quốc Toản

Vào năm 1282, Mông Cổ đem quân sang đánh nước ta lần thứ hai. Vua Trần Nhân Tông cho mở hội nghị Bình Than để hỏi ý kiến các bô lão và sĩ phu trong nước nên đánh hay hòa. Lúc đó Trần Quốc Toản mới 16 tuổi, chỉ được phép tham dự nhưng không được quyền bàn cãi. Trần Quốc Toản tức tối bỏ ra về, kêu gọi bạn bè thân thuộc sắm sửa khí giới và họp thành một toán quân riêng, may lá cờ đề 6 chữ: “Phá Cường Địch, Báo Hoàng Ân”, rồi mang quân đi đánh đuổi giặc Mông Cổ. Thấy ông can đảm, vua cho ông làm phó tướng và theo Trần Nhật Duật đánh nhau với Toa Đô ở bến Hàm Tử, Toa Đô thua phải bỏ chạy. Sau đó, ông lại giúp Trần Quang Khải đánh phá chiến thuyền của Thoát Hoan ở bến Chương Dương.

Trận Hàm Tử và Chương Dương là hai chiến thắng oanh liệt của quân ta lúc đánh nhau với quân Mông Cổ.

Câu hỏi gợi ý:

1. Vua Trần Nhân Tông đã mở hội nghị nào để hỏi ý kiến toàn dân?
2. Tại sao Trần Quốc Tuấn không được tham dự ?

3. Hưng Đạo Vương (Trần Hưng Đạo – Trần Quốc Tuấn)

Trần Liễu có một mối tư thù với vua Trần Thái Tông) nên Liễu gọi con là Trần Quốc Tuấn (tức Trần Hưng Đạo) đến dặn phải báo thù. Tuy nhớ lời cha dặn nhưng khi quân Mông Cổ sang đánh nước ta, ông dẹp thù nhà hết lòng phò vua chống giặc. Trước khí thế hùng mạnh của quân Mông Cổ, có lần nhà vua định đầu hàng nhưng Trần Hưng Đạo khẳng khái tâu rằng: “Nếu bệ hạ muốn hàng giặc, thì xin hãy chém đầu thần trước”

Nhờ ý chí cương quyết và tài dùng binh lỗi lạc, Trần Hưng Đạo đã hai lần đánh bại quân Mông Cổ, cứu dân tộc ra khỏi vòng nô lệ ngoại bang.

Câu hỏi gợi ý:

1. Trước khi Trần Liễu chết đã gọi Trần Quốc Tuấn đến dặn phải làm gì?
2. Lý do gì mà Trần Quốc Tuấn không nghe lời cha dặn báo thù ?

4. Phạm Ngũ Lão

Phạm Ngũ Lão quê ở làng Phù Ủng, tỉnh Hưng Yên. Mồ côi cha từ thuở nhỏ, tuy nhà nghèo nhưng ông có chí lớn. Lúc 20 tuổi, trong làng có người đỗ Tiến sĩ, cả làng kéo đến mừng, riêng ông không đến, bà mẹ hỏi, ông thưa: “Con chưa làm nên sự nghiệp để vui lòng mẹ. Nay đi mừng người thì con lấy làm nhục lắm”. Một hôm ông ngồi bên vệ đường, vót tre, đan sọt, gặp lúc Trần Hưng Đạo đi ngang qua ông vẫn ngồi yên. Quân lính thét bảo đứng dậy, ông thản nhiên như không. Quân lấy giáo thịch vào đùi, máu chảy đầm đề, ông vẫn trơ trờ như tượng đá. Hưng Đạo Vương đi tới lấy làm lạ dừng lại hỏi, ông mới giựt mình đứng dậy lễ phép thưa rằng: “Kể quê này đang mê mải nghĩ đến một trận thế phá giặc mà thất lễ với Đại Vương, xin tạ tội “. Vương lại hỏi đến kinh sử, binh thư thì ông ứng đối trôi chảy. Vương biết là người tài, bèn cho ngồi xe đưa về kinh, tiến cử coi vệ binh.

Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, ông giúp Trần Hưng Đạo thắng nhiều trận lớn ở Nghệ An, Chương Dương và Lạng Sơn nên được phong chức Đại Tướng. Ông trị quân có kỷ luật, đối đãi với quân lính như cha con, vui khổ cùng chia sẻ, người ta thường gọi quân của ông là “Phụ tử chi binh “. Trải ba triều vua, Phạm Ngũ Lão đều một lòng trung chính đem tài bách chiến để giữ gìn đất nước , nên được phong tới chức Điện Tiền Thượng Tướng Quân.

Câu hỏi gợi ý:

1. Vì lý do gì mà Hưng Đạo Vương gặp được Phạm Ngũ Lão?
2. Khi chúng ta nghe nói “có một người ngồi đan sọt mà nghĩ tới việc nước” là nói tới ai?

5. Trần Bình Trọng

Trần Bình Trọng là dòng dõi vua Lê Đại Hành. Vào đời vua Trần Thái Tông, vì ông có công lớn nên được đổi sang họ Trần. Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, ông lãnh ấn tiên phong. Lúc đầu thế giặc rất mạnh nên quân ta phải rút lui. Sau khi thành Thăng Long thất thủ,

triều đình phải dời đô về Thanh Hóa và giao cho ông trấn giữ Thiên Trường thuộc tỉnh Nam Định để chặn đường tiến binh của giặc. Quân Nguyên đem đại binh đến vây đánh, ông chống cự rất hăng, nhưng vì quân ít, thế cô, ông bị thua và bị giặc bắt sống giải đến tướng Nguyên là Thoát Hoan. Thoát Hoan biết ông là một dũng tướng, muốn khuyên dỗ về hàng nên đối đãi với ông rất tử tế. Giặc sai người dọn cỗ thết đãi, ông nhất quyết không ăn, giặc hỏi han, ông ngồi im không thèm đáp. Giặc dọa nạt, ông vẫn thản nhiên.

Sau cùng, Thoát Hoan đem mỗi phú quý dụ ông: “Tướng quân hãy về hàng ta đi rồi sẽ được phong làm vương đất Bắc”. Trần Bình Trọng nổi giận, quát rằng: “Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Biết không thể dụ được ông, nên Thoát Hoan sai quân đem ông đi chém.

Câu hỏi gợi ý:

1. Trần Bình Trọng thuộc dòng dõi của vua nào?
2. Lý do nào mà ông được đổi sang họ Trần?

6. Nguyễn Trung Trực.

Nguyễn Trung Trực quê ở miền Trung, vào Nam sinh sống ở vùng Long An. Ông làm nghề chài lưới, có sức mạnh, tính khảng khái. Cha mất sớm, ông hết lòng phụng dưỡng mẹ già. Khi ấy Pháp sang đánh nước ta và chiếm được ba tỉnh phía Đông miền Nam. Trước cảnh nước mất nhà tan, đồng bào bị bắt bớ, chém giết, ông xin phép mẹ cho theo nghĩa binh để chống giặc. Chẳng bao lâu, nhờ có mưu trí và dũng cảm, ông lập nên chiến công lừng lẫy.

Chiến công thứ nhất: Để chặn đường giao thông của quân ta, Pháp cho một chiến hạm tên Espérance đậu tại vàm sông Nhựt Tảo, nay thuộc tỉnh Long An. Ông dùng mưu giả một đoàn ghe đưa đám cưới. Thừa lúc thủy thủ ngủ trưa, áp vào đốt chìm tàu giặc.

Chiến công thứ hai: thành Kiên Giang của Pháp thật kiên cố. Thừa một đêm tối không sao, ông xung phong đánh úp thành, đoạt rất nhiều vũ khí và lương thực.

Về sau ông lập đồn ở Phú Quốc, Pháp vây đánh mãi không nổi. Việt gian Huỳnh Công Tấn bày kế bắt mẹ ông đem ra hành hạ. Ông đành phải bỏ khí giới để cứu mẹ, Pháp chém ông tại Kiên Giang. Hiện nay mộ ông còn tại thị xã Kiên Giang.

Câu hỏi gợi ý:

1. Nguyễn Trung Trực làm nghề gì?
2. Vì sao ông xin phép mẹ cho theo nghĩa binh?

7. Chu Văn An.

Chu Văn An người làng Quang Liệt, tỉnh Hà Đông, thi đỗ Tiến Sĩ đời nhà Trần. Tài học sâu rộng, tính khí cứng rắn, ngay thẳng, không ham danh lợi. Ông mở trường dạy học ở quê nhà, học trò theo ông rất đông, người nào cũng hết lòng tôn kính. Nhiều người hiển đạt làm đến Tể Tướng mà mỗi khi về thăm viếng, vẫn giữ lễ thầy trò đứng hầu nghe lời dạy bảo. Ai có điều gì không phải, ông lập tức quát mắng đuổi ra ngay.

Vua Trần Minh Tông nghe tiếng ông, cho triệu vào triều lãnh chức Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, kiêm dạy Thái Tử. Đến khi vua Minh Tông mất, vua Dụ Tông giao phó việc nước cho một bọn gian nịnh. Họ làm nhiều điều bạo ngược, nhân dân ta thán, triều thần bất mãn. Vì

lòng cương trực Chu Văn An làm sớ dâng vua xin chém đầu bảy nịnh thần để cứu nước cứu dân. Nhưng vua không nghe, ông bèn cởi áo từ quan về quê ẩn dật. Ông dạo chơi non nước, vui cùng cảnh vật thiên nhiên. Ông mất tại quê nhà, vua Trần Nghệ Tông sai quan đến tế, truy tặng là Văn Trinh Công và cho thờ trong Văn Miếu ngang hàng với các bậc tiên nho.

Câu hỏi gợi ý:

1. Chu Văn An tài học thế nào?
2. Tại sao ông không ra làm quan?

8. Lê Văn Duyệt.

Lê Văn Duyệt quê quán ở tỉnh Định Tường. Thuở nhỏ, thân hình thấp bé, nhưng thông minh, khoẻ mạnh, võ nghệ tinh thông. Ông thường nói “Sanh ở thời loạn mà không làm nên đại tướng lưu danh trong sử sách thì không phải là tài trai”. Lớn lên ông theo phò Chúa Nguyễn Ánh đánh nhau với quân Tây Sơn lập nhiều chiến công oanh liệt như: đốt tan chiến thuyền của quân địch ở cửa Thị Nai, đánh chiếm thành Phú Xuân và thu phục Bắc Hà. Ông lại có công nhiều lần dẹp giặc Miên ở miền Nam và loạn Mán ở vùng Quảng Ngãi. Ông được phong là Tả Quân Quận Công và cử làm Tổng Trấn Gia Định. Ông giúp vua Miên đánh đuổi người Xiêm. Oai danh ông lừng lẫy, người Xiêm và người Miên rất kính trọng ông.

Hiện nay lăng và đền thờ ông còn tại Gia Định, quanh năm dân chúng lễ bái rất đông. Tả quân Lê Văn Duyệt thật là một vị tướng trí dũng và cương trực.

Câu hỏi gợi ý:

1. Thuở trẻ Lê Văn Duyệt thế nào?
2. Lớn lên ông theo giúp Chúa Nguyễn lập được những công trạng nào?

III. ĐỊA LÝ:

1. Việt Nam: Vị trí, ranh giới và diện tích.

Nước Việt Nam ở miền Đông Nam châu Á, hình cong như chữ S và diện tích ước khoảng 330,000 km², với dân số hơn 75 triệu người. Diện tích của nước Việt Nam tương đương 4/5 diện tích của tiểu bang California. Phía Bắc giáp nước Trung Hoa, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Đông giáp Thái Bình Dương với hơn 2200 km bờ biển, phía Tây giáp Ai Lao và Cam Bốt.

Nước Việt Nam chia ra làm 3 miền: miền Bắc, miền Trung, và miền Nam. Miền Bắc bắt đầu từ ải Nam Quan cho đến hết tỉnh Ninh Bình. Miền Trung bắt đầu từ Thanh Hóa cho đến Bình Thuận. Miền Nam bắt đầu từ Phước Long đến mũi Cà Mau.

Diện tích nước Việt Nam khoảng 330,000 km², chia ra Bắc phần 115,700 km², Trung phần 147,600 km² và Nam phần 67,700 km². Đa số đất đai ở Việt Nam đều là đồi núi và chiếm 3/4 diện tích đất đai. Miền Bắc có nhiều dãy núi cao như dãy Đông Triều, Bắc Sơn, Hoàng Liên Sơn.... Ngọn núi cao nhất trong dãy Hoàng Liên Sơn là ngọn Phan Si Păng, cao khoảng 3,142m. Miền Trung có dãy Trường Sơn chạy dài từ Bắc xuống Nam nhưng không cao lắm. Miền Nam có rất ít núi, phần nhiều đều thấp như các dãy Thất Sơn, Bà Đen, Long Hải, Thị Vải ..

Tại Việt Nam có nhiều cao nguyên rộng lớn như cao nguyên Hoàng Liên Sơn, Đồng Văn, Mộc Châu, Kontum, Darlac, Lâm Viên và Di Linh , cao từ 1000 m cho tới 3000 m.

Câu hỏi gợi ý:

1. Nước Việt Nam nằm về phía nào ở châu Á? Diện tích ước khoảng bao nhiêu km² ?
2. Việt Nam được chia làm mấy miền ?

2. Tên những thành phố quan trọng của mỗi miền.

Nước Việt Nam chúng ta gồm có 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

* **Miền Bắc:** có Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định là những thành phố lớn. Hà Nội được mệnh danh là đất “Ngàn Năm Văn Vật” vì có nhiều di tích cổ xưa. Hiện nay Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam. Hải Phòng là một thương cảng quan trọng và sầm uất.

* **Miền Trung:** có thành phố Huế, Đà Nẵng và Nha Trang. Huế còn được gọi là cố đô Huế, vì là kinh đô của các vua nhà Nguyễn ngày trước. Huế có nhiều thắng cảnh đẹp, đặc biệt nhất là các cung điện, đền đài và lăng miếu của các vị vua nhà Nguyễn. Đà Nẵng và Cam Ranh là hai cảng quan trọng của nước ta. Đà Nẵng là thương cảng còn Cam Ranh là quân cảng.

* **Miền Nam:** có Sài Gòn, Biên Hòa và Cần Thơ là những thành phố lớn và đông dân cư của miền Nam và còn là một thương cảng quan trọng được mệnh danh là “ Hòn Ngọc Viễn Đông”. Trước năm 1975, Sài Gòn là thủ đô của miền Nam thuộc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.

Cần Thơ là thành phố lớn nằm bên bờ sông Hậu Giang, cách Sài Gòn khoảng 170 km về hướng Tây Nam. Đó là vùng đất trù phú, là vựa lúa, cây trái, tôm cá cung cấp hầu hết các tỉnh ở miền Nam. Cần Thơ còn được gọi là Tây Đô.

Câu hỏi gợi ý:

1. Em hãy kể những thành phố lớn ở miền Bắc?
2. Tại sao Hà Nội được gọi là đất “Ngàn Năm Văn Vật”?

3. Tên sông, núi, tiêu biểu cho mỗi miền:

Nước Việt Nam thuộc miền nhiệt đới, mưa nhiều nên có rất nhiều sông rạch. Sông ngòi được chia ra:

a. Sông ngòi miền Bắc

Miền Bắc có 2 con sông quan trọng là sông Hồng và sông Thái Bình.

* **Sông Hồng (còn gọi là sông Nhi hay sông Thao),** bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Hoa), chảy vào Việt Nam qua ngã Lào Cai xuống đến vịnh Bắc Việt, dài độ 1200 km. Sông Hồng chảy trên đất Trung Hoa (với tên là Ma Lung) và chỉ có hơn 500 km chảy trên đất Việt Nam. Nước sông Hồng vì có nhiều phù sa nên lúc nào cũng đỏ và đục ngầu. Hai phụ lưu của sông Hồng là sông Đà và sông Lô. Nước sông Đà quanh năm đen ngòm nên còn có tên là Hắc Giang, ngược lại sông Lô nước lúc nào cũng trong vắt nên còn được gọi là Thanh Giang.

* **Sông Thái Bình** có hai nhánh rất đặc biệt: một là do sông Cầu, sông Thương (nước chảy 2 dòng: bên trong, bên đục) và sông Lục Nam tạo thành. Hai là sông Bạch Đằng

(con sông lịch sử đã 2 lần chiến thắng quân Tàu) . Sông Thái Bình dài độ 340 km và có hai phụ lưu là sông Đuống và sông Luộc.

Câu hỏi gợi ý:

1. Hai sông chính của miền Bắc là sông nào?
2. Sông Hồng phát nguyên từ đâu? Dài độ bao nhiêu km?

b. Sông ngòi miền Trung:

Sông ngòi miền Trung thường ngắn. Sông Mã (dài 360 km) phát nguyên từ Sơn La chảy qua Lào rồi mới vào Thanh Hóa hầu hết chảy trên miền núi. Sông Cả phát nguyên từ vùng núi phía Nam Sầm Nứa, dài độ 400 km chảy về hướng đông nam đến gần biển thì chảy lên phía bắc và đổ ra biển bằng cửa Hội.

Miền Trung còn có hai con sông lịch sử là sông Gianh và sông Bến Hải. Sông Gianh phát nguyên từ phía tây dãy Hoành Sơn, chảy ra biển về hướng đông nam. Sông Gianh còn là ranh giới phân chia nước ta làm hai trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh. Sông Bến Hải chảy từ miền núi phía tây cửa Tùng và còn là ranh giới phân chia nước ta thành hai miền Nam-Bắc vào năm 1954.

Câu hỏi gợi ý:

1. Em hãy kể hai con sông lớn ở miền Trung ?
2. Con sông nào chảy qua thành phố Huế ?

c. Sông ngòi miền Nam:

Trong ba miền Bắc-Trung-Nam, miền Nam có nhiều sông hơn cả. Hai con sông chính là sông Cửu Long và sông Đồng Nai.

* **Sông Cửu Long (còn gọi là sông Mekong)**, phát nguyên từ Tây Tạng, dài hơn 4200 km chảy qua Trung Hoa, Ai Lao, Cam Bốt và Việt Nam. Trước khi vào Việt Nam, sông Cửu Long chảy đến Nam Vang (NongPenh) có một nhánh thông ra biển hồ (Tonlé Sap) và chảy vào miền Nam bằng hai nhánh đó là Tiền Giang và Hậu Giang. Tiền Giang chảy ra biển bằng 6 cửa, Hậu Giang chảy ra biển bằng 3 cửa.

* **Sông Đồng Nai** phát nguyên từ cao nguyên Trung phần và là con sông dài nhất miền Đông Nam phần. Nguồn sông Đồng Nai là sông Đa Dung ở Đà Lạt, chảy qua Biên Hòa gọi là sông Đồng Nai. Khúc chảy qua Nhà Bè gọi là sông Nhà Bè, khúc gần biển gọi là sông Soài Rạp. Sông Đồng Nai có các phụ lưu là sông Bé, sông Sài Gòn và hệ thống sông Vàm Cỏ (Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây). Ngoài hệ thống sông thiên nhiên, miền Nam còn có nhiều kinh đào chằng chịt nối liền các con sông lớn và các vùng với nhau rất tiện lợi cho việc lưu thông như kinh Tháp Mười, kinh Tổng Đốc Lộc, Kinh Vĩnh Tế....

Câu hỏi gợi ý:

1. Trong ba miền Bắc, Trung, Nam miền nào có nhiều sông hơn cả?
2. Sông Cửu Long còn có tên là gì? Phát nguyên từ đâu?

d. Những ngọn núi tiêu biểu của Việt Nam

Núi tại Việt Nam có 3 hệ thống, đó là : miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Miền Bắc có nhiều núi hơn hết và chiếm gần 4/ 5 diện tích đất đai. Có nhiều rặng núi hình cánh cung, ngọn núi cao nhất là ngọn Phan-Si-Păng trong dãy Hoàng Liên Sơn cao khoảng 3142m.

Dãy Trường Sơn chạy dài suốt miền Trung, dọc theo biên giới Việt-Miên-Lào. Ven theo dãy núi này có những núi nhỏ đâm ra biển gọi là Hoành Sơn, có những đèo nổi tiếng như đèo Cánh, đèo Ngang, đèo Hải Vân...

Miền Nam có ít núi, núi Bà Đen ở Tây Ninh (cao khoảng 900 mét), núi Thị Vải ở Bà Rịa, núi Thất Sơn ở Châu Đốc.

Câu hỏi gợi ý:

1. Ngọn núi cao nhất ở miền Bắc là ngọn núi nào? Cao bao nhiêu mét?
2. Núi ở miền Bắc chiếm gần bao nhiêu diện tích đất đai?

4. Những thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam:

a. Vịnh Hạ Long (Miền Bắc) – Di sản thế giới.

Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh khổng lồ vô cùng sống động. Đi giữa Hạ Long, ta ngỡ như lạc vào một thế giới cổ tích bị hóa đá. Có đảo thì giống hình một người đang đứng hướng về đất liền (hòn Đầu Người), có đảo thì giống như một con Rồng đang bay lượn trên mặt nước (hòn Rồng), có đảo thì lại giống như một ông lão đang ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng), hòn Cánh Buồm, hòn Cặp Gà, hòn Lư Hương...

Hình dáng những đảo đá diệu kỳ ấy biến hóa khôn lường theo góc độ ánh sáng trong ngày và theo góc nhìn. Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sửng Sốt, động Tam Cung... Đó thực sự là những lâu đài của tạo hóa giữa chốn trần gian. Cảnh đẹp Hạ Long luôn thay đổi theo góc nhìn, thời gian và tâm trạng của người ngoạn cảnh. Từ bờ trông ra, đảo đá như bức tường thành vững chãi ngăn đất liền với biển khơi, nhưng khi đến gần, bức tường ấy mở ra nhường lối, và đảo đá lại hiện ra, gần, xa thấp thoáng. Cứ thế, Hạ Long luôn cuốn hút người ta mê mải kiếm tìm, khám phá...

Câu hỏi gợi ý:

1. Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long trông giống như cái gì?
2. Khi đi giữa Hạ Long, chúng ta có cảm giác như thế nào?

b. Chùa Thiên Mu – Miền Trung

Có khá nhiều câu chuyện thần thoại liên quan đến lai lịch của chùa Thiên Mu. Một trong những chuyện ấy kể rằng, dân chúng địa phương đêm đêm thường thấy một bà già mặc áo đỏ, quần lục xuất hiện trên ngọn đồi mà chùa tọa lạc ngày nay, và nói : “Rồi sẽ có chân chúa đến lập chùa ở đây để tụ long khí cho bền long mạch.” Hễ nói xong là bà biến mất, từ đó ngọn đồi được gọi tên là Thiên Mu Sơn (núi Bà Trời).

Bất cứ ai đến viếng cảnh chùa cũng đều thừa nhận rằng người chọn vị trí làm chùa là một người có trình độ thẩm mỹ rất cao. Kiến trúc ngôi chùa được lồng vào trong một ngoại cảnh thiên nhiên nên thơ tĩnh mịch. Toàn bộ các công trình kiến trúc của chùa đều được nằm trên một

ngọn đồi có bề mặt hình chữ nhật (280m x 100m) chạy về hướng Bắc Nam. Chùa lại được bao bọc khuôn tường thành xây bằng đá mang hình dạng một con rùa thò đầu xuống bến để uống nước sông Hương.

Chùa Thiên Mụ bảo lưu được một số văn vật quý báu lâu đời của Phật giáo. Thiên nhiên và kiến trúc ở đây hài hòa với nhau đến mức hoàn chỉnh. Với kiến trúc uy nghiêm cổ kính, với cảnh trí thanh thoát nên thơ, chùa Thiên Mụ có thể xem là một danh lam thắng cảnh tuyệt vời của đất nước.

Câu hỏi gợi ý:

1. Tại sao lại có danh hiệu là chùa Thiên Mụ?
2. Công trình kiến trúc ngôi chùa như thế nào?

c. Cảnh đẹp Hà Tiên – Miền Nam.

Du khách đến với Hà Tiên ngày càng đông hơn để nhìn lại một vùng đất thần tiên ở miền cực nam nước Việt với những di tích lịch sử oai hùng, những lăng tẩm, chùa chiền cổ kính, trời xanh bát ngát, biển núi ngút ngàn... Nói đến Hà Tiên, người ta nhắc đến Thạch Động, hòn Chông, hòn Phụ Tử, chùa Hang... và 15 cảnh đẹp. Thạch Động là tảng đá xanh khổng lồ mọc trơ giữa một vùng toàn đất, ô tô có thể lên đến cửa động. Thạch Động cao đến 48m.

Rời thị trấn Hà Tiên đi bằng đường biển đến quần đảo Hải Tặc, nơi thiên nhiên đã tạo nên những quang cảnh kỳ thú mà chỗ nào cũng có được. 16 đảo nhỏ trên quần đảo với độ sâu của biển trung bình là 4m là nơi lý tưởng cho du khách nghỉ ngơi và tắm biển quanh năm. Hòn đảo lớn nhất trong quần đảo là Hòn Đốc cùng các đảo nhỏ cây xanh bao phủ tạo thành một ao biển rộng 9 km² quanh năm lặng sóng. Chân Hòn Đốc là một bãi cát trắng chạy dài hướng ra ao biển, gió biển vi vu làm lay động những hàng dừa rợp mát quanh năm.

Hòn Chông có hang Tiên hai cửa. Cửa Tây trông ra biển, cửa Đông dính với bãi Đước. Trong hang các nhũ đá nổi lên thành những hình thù kỳ quái. Khách du lịch đặt tên, đây là ngai vàng chúa Nguyễn khi ngự triều, kia là long sàng, cấm đôn... Cách Hòn Chông 1000m là bãi biển Hòn Trẹm với bãi cát vàng sóng gợn lăn tăn, là nơi tắm biển và nghỉ ngơi thú vị nhất hiện nay ở Hà Tiên. Từ đây, bạn sẽ đến chùa Hang, một ngôi chùa nằm giữa hang sâu gần 40m, thâm u, mờ ảo. Các thạch nhũ khi chạm tay vào sẽ mang lên những âm thanh như tiếng chuông chùa. Cửa Chùa Hang nhìn ra hòn Phụ Tử, một biểu trưng cho cảnh đẹp Hà Tiên.

Câu hỏi gợi ý:

1. Khi nói đến Hà Tiên là chúng ta nhắc đến những cảnh đẹp nào?

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc Sử Việt Nam – Phạm Văn Trọng và Huỳnh Văn Đô.

2. Việt Sử Toàn Thư từ Thượng Cổ đến Hiện Đại – Phạm Văn Sơn
3. Địa Lý Việt Nam – Nguyễn Khắc Ngữ và Phạm Đình Tiếu.
4. Thi Ca bình dân – nhà Xuất bản Xuân Thu.